TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-PT
Ngày 30-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Kim Của

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2020/TLPT-DS ngày 07/12/2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2020/QĐ-PT ngày 24/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 38/4B, Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị L: Luật sư Trần Minh V - Văn phòng Luật sư Trần Minh V, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hạnh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp Long Huê, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hạnh T: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 305/68, ấp Long Quới, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Quốc L1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long Huê, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Tháng 12/2018 bà nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Hạnh T vay tiền (không nhớ rõ ngày), cụ thể: Lần đầu là 300.000.000 đồng, lần 2 (cách lần 1 khoảng 04 - 05 ngày) 400.000.000 đồng, lần 3 (cách lần 2 khoảng 05 - 06 ngày) 200.000.000 đồng, lần thứ 4 (cách lần 3 khoảng 04 - 05 ngày) 100.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà đã cho bà T vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Khi cho vay, hai bên không có thỏa thuận lãi suất vì bà nghĩ bà T vay xong khoảng 04 - 05 ngày sẽ trả. Đến ngày 05/3/2019, bà T viết cho bà biên nhận nợ 01 tỷ đồng và hẹn đến 15/4/2019 trả 400.000.000 đồng, còn lại 05 tháng sau sẽ trả hoàn tất. Trong biên nhận nợ tuy không có ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bà T sẽ trả lãi cho bà với mức lãi suất là 2%/tháng. Sau đó bà T đã đóng lãi cho bà được 09 tháng với số tiền là 180.000.000 đồng rồi ngưng đến nay.

Ngoài ra, bà T còn tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi, dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 26/9/2018 gồm 25 phần, ngày mãn hụi là ngày 26/09/2020. Đến tháng 10/2019, bà T hốt hụi, còn lại 11 hụi viên sống nên bà T phải đóng tiếp 11 tháng hụi chết với tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi bà T chỉ đóng cho bà 9.000.000 đồng nên hiện nay còn nợ lại bà số tiền hụi là 46.000.000 đồng.

Mục đích bà cho bà T vay tiền để bà T cho người khác vay lại để trả tiền đáo hạn ngân hàng, ông Lý Quốc L1 (chồng bà T) cũng biết việc bà T vay tiền của bà. Vì vậy, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Hạnh T và ông Lý Quốc L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền đã vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), đồng thời tính lãi với mức lãi suất 1,1%/tháng từ ngày 17/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử vụ án và trả cho bà số tiền nợ hụi là 46.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15/05/2020 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đinh Văn N trình bày:

Vào khoảng tháng 5/2018 bà T có vay của bà Đỗ Thị L số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Sau đó, bà T tiếp tục vay của bà L 03 lần với tổng số tiền là 500.000.000 đồng cũng với mức lãi suất 5%/tháng. Bà T đóng tiền lãi cho bà L được 12 tháng (tới tháng 5/2019) với số tiền lãi đã đóng khoảng 500.000.000 đồng. Đến tháng 5/2019 bà L hạ mức lãi suất xuống còn 2%/tháng, bà T đóng được 8 tháng với số tiền là 160.000.000 đồng. Tính đến tháng 3/2020 bà T còn thiếu bà L số tiền lãi là 40.000.000 đồng.

Vào ngày 26/9/2018, bà T có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi. Sau đó bà T có hốt hụi được 109.470.000 đồng, bà T chỉ nhận được 15.000.000 đồng; còn lại bà L không giao cho bà T mà giữ lại để đóng lãi và đóng hụi chết cho bà L.

Đối với số tiền lãi bà T đã đóng cho bà L là khoảng hơn 600.000.000 đồng nhưng do bà T không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu tính lại số tiền lãi này. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L thừa nhận số tiền lãi bà T đã đóng là 180.000.000 đồng theo mức lãi suất 2%/tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy

định pháp luật. Vì vậy bà T yêu cầu tính lại lãi theo mức lãi suất theo quy định pháp luật, nếu số tiền lãi bà T đã đóng dư phải khấu trừ vào số tiền vốn còn thiếu. Riêng số tiền hụi bà L yêu cầu thì bà T không đồng ý trả vì bà T đã đóng xong.

Bà T vay tiền của bà L là để kinh doanh vàng bạc vì tại thời điểm vay tiền bà T có cửa hàng kinh doanh vàng bạc tại chợ Cái Gà, xã L, huyện C. Việc bà T vay tiền của bà L thì ông L1 (chồng bà T) không biết và cũng không liên quan đến số tiền này vì giữa ông L1 và bà T hai người làm kinh tế riêng, không liên quan đến nhau.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng các Điều 463, 466, 471, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, bêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L đối với bà Nguyễn Thị Hạnh T và ông Lý Quốc L1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị Hạnh T và ông Lý Quốc L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L tổng số tiền là 1.138.400.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), bao gồm tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), tiền lãi là 92.400.000đ (Chín mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền hụi là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T kháng cáo. Ngày 14/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc L1 kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Ông L1 cho rằng việc cho mượn tiền giữa bà L và bà T thì ông hoàn toàn không biết, khi giao nhận tiền cũng không có mặt ông nên bà T có trách nhiệm trả tiền cho bà L, ông không đồng ý liên đới cùng bà T trả tiền. Bà T cũng cho rằng đây là số tiền bà nợ bà L nên đồng ý trả, ông L1 không có trách nhiện cùng trả. Ông L1, bà T đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc ông L1 có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không buộc ông L1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận số tiền vay dùng để phát triển kinh tế gia đình và số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông L1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lý Quốc L1. Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Việc vay tiền và tham gia hụi của bà T nhằm phát triển kinh tế gia đình, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bị đơn không có chứng cứ chứng minh hai vợ chồng làm kinh tế riêng nên cấp sơ thẩm tuyên ông L1 có trách nhiệm liên đới trả nợ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hạnh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Lý Quốc L1, bà Nguyễn Thị Hạnh T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc L1 có kháng cáo, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lý Quốc L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh T và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc L1. Tòa án sơ thẩm quyết định buộc bà T và ông L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L tổng số tiền là 1.138.400.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), bao gồm tiền vay 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), tiền lãi 92.400.000đ (Chín mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền hụi 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng). Đối với số tiền phải trả là 1.138.400.000 đồng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: Bà T cho rằng số tiền nêu trên là do bà nợ bà L nên bà đồng ý trả, ông L1 không có trách nhiệm cùng trả. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận mục đích vay tiền nhằm kinh doanh vàng bạc và việc tham gia hụi là để có tiền trả lãi cho bà L đối với số tiền đã vay (1.000.000.000 đồng). Như vậy, việc vay tiền và tham gia hụi của bà T là nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014, ông Lý Quốc L1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số tiền 1.138.400.000 đồng cho bà L.

Từ nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bà T không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Lý Quốc L1, bà Nguyễn Thị Hạnh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Lý Quốc L1;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hạnh T;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 185/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 471, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, bêu, phường; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L đối với bà Nguyễn Thị Hạnh T và ông Lý Quốc L1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị Hạnh T và ông Lý Quốc L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L tổng số tiền là 1.138.400.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), bao gồm tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), tiền lãi là 92.400.000đ (Chín mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền hụi là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hạnh T và ông Lý Quốc L1 phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 46.152.000đ (Bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị L số tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.450.000đ (Hai mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011100 ngày 12 tháng 3 năm 2020 và biên lai số 0001673 ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hạnh T, ông Lý Quốc L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001848 và 0001849 cùng ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận